TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUẦN GIÁO
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2023/HNGĐ-ST
Ngày 28/4/2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO - TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Nga.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý A Thu và bà Bạc Thị Phương.
- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Phương Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo *tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Chung, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 57/2023/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 02 năm 2023 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2023; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lò Thị L; sinh năm 1996; địa chỉ: Bản D, xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt có lý do.

Bị đơn: Anh Lò Văn T; sinh năm 1994; địa chỉ: Bản N, xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 02 năm 2023, Bản tự khai, Biên bản ghi lời khai và đơn xin vắng mặt của nguyên đơn trình bày:

Về hôn nhân: Chị Lò Thị L và anh Lò Văn T, kết hôn ngày 08/11/2016 và đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên. Kết hôn trên sự tự nguyện. Quá trình chung sống sau khi kết hôn phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là anh T không tu chí làm ăn, chơi bời. Đến đầu năm 2018, vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn ngày càng lớn; đến tháng 5/2019 sống ly thân. Trong thời gian sống ly thân không còn quan tâm, chia sẻ gì với nhau, mỗi người đều có cuộc sống riêng. Đến nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy cuộc sống chung không thể tiếp tục được nữa. Chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị L được ly hôn với anh Lò Văn T.

Về con chung: Chị Lò Thị L và anh Lò Văn T có 02 con chung là Lò Duy K, sinh ngày 23/6/2016 và Lò Thị Thanh H, sinh ngày 24/8/2018. Chị L đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, còn anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu K. Khi ly hôn chị L có nguyện vọng sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu H đến khi đủ tuổi thành niên và đủ khả năng lao động. Giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu

Khánh đến khi đủ tuổi thành niên và đủ khả năng lao động. Không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: Không có.

Về án phí: Chị Lò Thị L có đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Lò Thị L hiện tại đang đi làm, không thể có mặt tại phiên tòa nên đề nghị xin được vắng mặt.

Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Lò Văn T. Đến ngày 10/4/2023 Tòa án đã nhận được Đơn đề nghị của anh T với nội dung như sau:

Về hôn nhân: Anh Lò Văn T và chị Lò Thị L kết hôn với nhau ngày 08/11/2016; đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên. Sau khi kết hôn thì sinh sống tại bản N, xã C. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng diễn ra hạnh phúc, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn ngày càng nhiều. Đến tháng 5/2019, anh T và chị L đã sống ly thân. Trong thời gian sống ly thân không còn quan tâm, yêu thương nhau nữa. Đến nay chị L xin ly hôn, anh T cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh T xác nhận có 02 người con chung với chị Lan là Lò Duy K, sinh ngày 23/6/2016 và Lò Thị Thanh H, sinh ngày 24/8/2018. Khi chị L bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở đã đưa cháu H theo, còn anh T thì trực tiếp nuôi dưỡng cháu K. Khi ly hôn, anh T nhận trực tiếp nuôi dưỡng cháu K, giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu H. Không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: Không có.

Anh Lò Văn T hiện tại đang đi làm, không thể có mặt tại phiên tòa nên đề nghị xin được vắng mặt.

Quá trình xác minh tại địa phương: Giữa chị Lò Thị L và anh Lò Văn T đã có mâu thuẫn do thiếu sự tin tưởng lẫn nhau. Chị L đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị L từ năm 2019 cho đến nay. Xác nhận chị L và anh T có 02 người con chung là cháu Lò Thị Thanh H và Lò Duy K; hiện tại chị L nuôi dưỡng cháu H, còn anh T nuôi dưỡng cháu K. Vì vậy đề nghị Tòa án xem xét giao cho mỗi người có trách nhiệm nuôi dưỡng con chung, để đảm bảo cho các con chung có cuộc sống ổn định.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:

- Về tố tụng: Đã thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ lời trình bày của đương sự và kết quả xác minh của Tòa án; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lò Thị L, cho chị Lò Thị L ly hôn với anh Lò Văn T; giao cháu Lò Thị Thanh H, sinh ngày 24/8/2018 cho chị Lò Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ tuổi thành niên và đủ khả năng lao động; giao cho anh Lò Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Lò Duy K, sinh ngày 23/6/2016 cho đến khi đủ tuổi thành niên và đủ khả năng lao động; về cấp dưỡng nuôi con chung không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề nghị Tòa án xem xét; quan hệ tài sản không có nên không đề nghị xem xét. Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chị Lò Thị L là người dân

tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, chị L có đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm nên đề nghị HĐXX miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lò Thị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Xét đơn khởi kiện của chị Lò Thị L với anh Lò Văn T thì được xác định là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Thẩm quyền giải quyết: Thời điểm chị Lan nộp đơn khởi kiện, anh T có nơi ĐKHKTT tại bản N, xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên; nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành tống đạt văn bản tố tụng cho các đương sự đúng theo quy định Điều 174; Điều 175 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa chị L và anh T đều có đơn xin vắng mặt. Xét thấy việc đưa ra xét xử vắng mặt của của các đương sự vẫn đảm bảo quyền lợi của đương sự và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị L và anh Lò Văn T, kết hôn ngày 08/11/2016 và đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên. Kết hôn trên sự tự nguyện, thực hiện theo đúng trình tự đăng ký kết hôn, nên có thể xác định hôn nhân của chị L và anh T là hôn nhân hợp pháp theo quy định Luật Hôn nhân & gia đình. Cuộc sống chung của chị L và anh T hạnh phúc được thời gian đầu, đến cuối năm 2018 bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống, thiếu sự tin tưởng lẫn nhau. Đến tháng 5/2019 thì sống ly thân, cả hai đều xác nhận không còn tình cảm với nhau; nên chị L xin ly hôn anh T cũng đồng ý ly hôn.

Xét thấy cuộc sống giữa chị L và anh T đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, căng thẳng, không thể hòa hợp, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy yêu cầu xin ly hôn của chị L là có căn cứ. Do đó HĐXX căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân & gia đình; chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lò Thị L, cho chị Lò Thị L ly hôn với anh Lò Văn T.

[3] Về con chung: Chị Lò Thị L và anh Lò Văn T đều xác nhận có 02 con chung là Lò Duy K, sinh ngày 23/6/2016 và Lò Thị Thanh H, sinh ngày 24/8/2018. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, HĐXX thấy rằng hiện tại cháu H đang được chị L trực tiếp nuôi dưỡng, còn anh Thân trực tiếp nuôi dưỡng cháu K; quá trình nuôi dưỡng con chung, chị L và anh T vẫn đảm bảo về mọi mặt cho con chung. Khi ly hôn, chị L có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu H cho đến khi đủ tuổi thành niên và đủ khả năng lao động; còn anh T có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu K cho đến khi đủ tuổi thành niên và đủ khả năng lao động. Xét thấy, từ khi sống ly thân chị L và anh T vẫn đảm bảo nuôi dưỡng con chung đầy đủ. Do đó để cháu H và cháu K có cuộc sống ổn định, không bị xáo trộn, có điều kiện phát triển tốt nhất về cả thể chất lẫn tinh thần; thì HĐXX căn cứ

vào các Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận về yêu cầu giao nuôi con chung của chị L và anh T. Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần cấp dưỡng; HĐXX thấy không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của con chung, nên HĐXX không giải quyết về phần cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: Không có.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; chị L có đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm; Hội đồng xét xử xét thấy chị L đủ điều kiện để miễn án phí dân sự sơ thẩm; vì vậy miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị L.

[6] Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo đưa ra đề nghị về việc giải quyết vụ án là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật và nội dung vụ án, vì vậy cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014.

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị L được ly hôn với anh Lò Văn T.

2. Về con chung: Giao cho chị Lò Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung là Lò Thị Thanh H, sinh ngày 24/8/2018 cho đến khi đủ tuổi thành niên và đủ khả năng lao động. Giao cho anh Lò Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung là Lò Duy K, sinh ngày 23/6/2016 cho đến khi đủ tuổi thành niên và đủ khả năng lao động. Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn chị Lò Thị L và anh Lò Văn T có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con, cùng các thành viên trong gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Chị Lò Thị L và anh Lò Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở chị L và anh T thực hiện quyền này.

Chị Lò Thị L và anh Lò Văn T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn; khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: Không có.

4. Về án phí: Chị Lò Thị L được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lò Thị L và anh Lò Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận
- Phòng KTNV và THA;
- VKSND huyện T.Giáo;
- Chi cục THADS huyện T.Giáo;
- Đương sự;
- UBND xã Chiềng Đông;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Nga

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN CỦA HĐXX **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bạc Thị Phương **Lý A Thu** **Lương Thị Nga**